TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TP.BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12/01/2017.
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Thành.

-Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Hoàng Viết Oanh.

-Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Linh – Cán bộ Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12/01/2018, tại phòng xử án - Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 883/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10/10/2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2017/QĐXX – HNGĐ ngày 12/12/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 180/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2017 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số x đường YN, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Trương Văn T – Sinh năm: 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số x đường YN, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày**:

Tôi và ông Trương Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1986 và không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, chúng tôi hạnh phúc đến năm 2003 thì thường xuyên mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân do ông T không lo làm ăn cho cuộc sống gia đình mà thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con. Nay

tôi không thể chung sống cùng với ông T được nữa, vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 04 con chung: Cháu Trương Văn N - sinh năm 1989; cháu Trương Văn H - sinh năm 1999; cháu Trương Văn T - sinh năm 1997 và cháu Trương Thị ML - sinh năm 2005.

Hiện tại ba cháu Trương Văn N, Trương Văn T và cháu Trương Văn H đã đủ tuổi trưởng thành, nên không cần đặt ra để giải quyết. Tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Trương Thị ML – sinh ngày 16/3/2005 đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Tôi không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Văn T trình bày: Quá trình sống chung và có 04con chung như cô L trình bày là đúng.

Trong thời gian sống chung, chúng tôi hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì vì vậy tôi không đồng ý ly hôn với cô L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 04 con chung: Cháu Trương Văn N - sinh năm 1989, cháu Trương Văn H - sinh năm 1999, cháu Trương Văn T - sinh năm 1997 và cháu Trương Thị ML - sinh năm 2005. Hiện tại ba cháu Trương Văn N, Trương Văn T và cháu Trương Văn H đã đủ tuổi trưởng thành, nên không cần đặt ra để giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn thì tôi đồng ý giao cháu Trương Thị ML – sinh ngày 16/3/2005 cho cô L nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]Về nội dung vụ án: Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị L và ông Trương Văn T chung sống với nhau từ năm 1986 và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc sống chung của ông bà trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc.

Trong quá trình sống chung, ông bà sống hạnh phúc với nhau được thời gian đầu, đến cuối năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cơ bản theo bà L là

giữa hai người có hai quan điểm sống khác nhau, bất đồng quan điểm. Ông T không lo làm ăn mà thường xuyên rượu chè, về nhà đánh đập vợ con, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng căng thẳng, không có hạnh phúc. Ông T thì cho rằng, trong thời gian vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn gì, vì vậy ông không đồng ý yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai người đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài cuộc sống chung thì không mang lại hạnh phúc cho cả hai người.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi ông T và bà Lchung sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: *"Quá trình sống chung, ông T và bà L thường xuyên xãy ra mâu thuẫn, ông T hay uống rượu say xỉn về nhà đánh đập vợ con. Chính quyền địa phương nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng"*.

Tuy nhiên, xét thấy cho đến thời điểm hiện nay bà L và ông T vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không thể giải quyết cho hai người theo các quy định về ly hôn được, mà cần áp dụng Điều 14 luật Hôn Nhân và gia đình 2014, tuyên bố không công nhận ông T, bà L là vợ chồng, để hai người được chấm dứt việc sống chung.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà L và ông T đã có bốn con chung tên là:

1. Trương Văn N, sinh năm 1989.
2. Trương Văn T, sinh năm 1997.
3. Trương Văn H, sinh năm 1999.
4. Trương Thị ML, sinh ngày 16/3/2005.

Hiện tại ba cháu Trương Văn N, Trương Văn T và cháu Trương Văn H đã đủ tuổi trưởng thành, nên không cần đặt ra để giải quyết. Chỉ còn cháu Trương Thị ML, chưa đến tuổi trưởng thành.

Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyện vọng của bà L là xin được nuôi con và không yêu cầu ông T phải đóng góp phí tổn để nuôi con chung. Tuy nhiên, xét điều kiện của hai ông bà trên cơ sở cân nhắc về khả năng nuôi dưỡng, giáo dục con chung nhằm tạo điều kiện cho con chung có điều kiện được trông nom, chăm sóc và giáo dục tốt nhất sau khi ông bà chấm dứt cuộc sống chung và theo nguyện vọng của cháu Trương Thị ML. Vì vậy, cần giao cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tên là Trương Thị ML,

đến tuổi trưởng thành. Bà L không yêu cầu ông T phải đóng góp phí tổn để nuôi con chung nên hội đồng xét xử không cần phải xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí Hôn nhâ và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 14 và 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

-*Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Trương Văn T là vợ chồng.

-*Về con chung*: Giao cháu Trương Thị ML, sinh ngày 16/3/2005 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông T phải đóng góp phí tổn để nuôi con chung.

Ông Trương Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

-*Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-*Về án phí*: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2017/ 0000445 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

-*Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- *Các đương sự (để thi hành).*
- *Toà án nhân dân tỉnh ĐăkLăk*
-*VKSND TP.Buôn Ma Thuôt.*
- *Thi hành án dân sự TP.Buôn Ma Thuột.*
- *Lưu hồ sơ, vi tính*.

Huỳnh Thành